TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 435/2024/DS-PT
Ngày: 20-8-2024
V/v tranh chấp: "Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều

Ông Võ Thanh Bình

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp " Đòi lại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 345/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Lưu Thị R** – sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà Trần Thị Kim P - Luật sư thuộc Văn phòng L, - Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Anh **Trần Văn T** – sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

* *Người làm chứng:* Anh **Nguyễn Văn T1** – sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Lưu Thị R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lưu Thị R trình bày:

Vào khoảng năm 2020, chị và anh Trần Văn T có quan hệ tình cảm và sống chung với nhau như vợ chồng. Trong quá trình chung sống, anh T có đem 01 xe máy hiệu Vario biển số 63B8-630.55 cho chị sử dụng, xe này do anh Thu m vẫn còn trong thời gian trả góp và anh T vẫn đóng tiền góp cho Công ty T2 đến khi hoàn tất.

Đến khoảng năm 2021, anh T đem xe đến tiệm cầm đồ của anh Nguyễn Văn T1 cầm cố, chị R biết được sự việc nên có cùng đi với anh T đến tiệm anh T1 chuộc xe lại với giá 41.000.000 đồng (gồm 40.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi). Đến khoảng năm 2022, anh T thông báo với chị là đã cầm xe tiếp ở huyện T với giá 40.000.000 đồng, lần này chị đưa cho anh T 20.000.000 đồng để chuộc xe và sau khi lấy xe về anh T đưa xe và giấy tờ xe cho chị tiếp tục quản lý, sử dụng.

Ngày 29/6/2023 âm lịch, anh T đến nhà chị lấy xe lại nhưng chị ngăn cản và có mời Công an xã L, huyện G đến giải quyết. Hiện chiếc xe đang được gửi tại Công an xã L, huyện G chờ giải quyết. Nay chị khởi kiện yêu cầu anh T trả lại cho chị số tiền đã chuộc xe 02 lần tổng cộng là 61.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải và quá trình tố tụng, bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Khoảng từ năm 2021 đến đầu năm 2023 anh Trần Văn T và chị Lưu Thị R có quan hệ tình cảm và sống chung với nhau như vợ chồng. Trước đó anh có mua 01 chiếc xe trả góp, xe hiệu Vario mang biển số 63B8-630.55, nên anh mang xe đến nhà chị R để cả hai cùng sử dụng chứ không phải cho riêng chị R sử dụng. Trong thời gian sống chung, anh T và chị R không phát sinh mâu thuẫn gì, sử dụng tiền chung với nhau, xem nhau như vợ chồng. Anh T xác định không có cầm cố xe tại tiệm cầm đồ của anh Nguyễn Văn T1 và cũng không có nhận số tiền 20.000.000 đồng từ chị R để chuộc xe đã cầm tại huyện T. Đến lúc anh T biết tin chị R có chồng thì anh đến nhà chị R để lấy xe của anh về nhưng bị chị R ngăn cản, nên anh có nhờ Công an xã L và cả hai thống nhất gửi xe lại Công an xã L giữ chờ Tòa giải quyết. Nay chị R khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền 61.000.000 đồng, anh không đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2024, người làm chứng Nguyễn Văn T1 trình bày:

Giữa anh và anh T, chị R không có quan hệ họ hàng gì với nhau. Anh có kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Cách đây khoảng 03 năm, anh Trần Văn T có đến gặp anh để cầm cố 01 chiếc xe máy hiệu Vario biển số 63B8-630.55 với giá là 40.000.000 đồng. Khoảng 01 tháng sau, chị Lưu Thị R và anh Trần Văn T cùng đến chuộc lại chiếc xe trên với giá 41.000.000 đồng. Lúc này anh không biết quan hệ giữa anh T, chị R là gì và cũng không biết số tiền chuộc xe là của ai vì cả hai cùng đi chung đến chuộc xe. Do bận nhiều công việc, anh T1 xin vắng mặt tại các phiên tòa.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Lưu Thị R trình bày: Trong quá trình Tòa án giải quyết thì anh T có trả cho chị được 15.000.000 đồng, nên chị đồng ý để Công an xã L, huyện G trả xe cho anh T và chị cũng đã giao trả toàn bộ giấy tờ xe cho anh T. Nay chị R thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu anh T trả tiếp cho chị số tiền 46.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DSST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 105, Điều 166 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1**.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị R về việc đòi anh Trần Văn T trả lại số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/5/2024 nguyên đơn Lưu Thị R có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị R giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số tiền 41.000.000 đồng chuộc xe là tài sản chung khi chị và anh T chung sống, nên mỗi người ½ số tiền này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất với ý kiến của nguyên đơn, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện và kháng cáo nằm trong

phạm vi khởi kiện và kháng cáo ban đầu, để đảm bảo quyền lợi cho đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: chị R khởi kiện và kháng cáo cho rằng đã đưa cho tiền cho anh T chuộc xe nhưng anh T không thừa nhận, chị cũng không có chứng cứ chứng minh, tại phiên tòa phúc thẩm chị R thay đổi yêu cầu khởi kiện cho rằng số tiền 41.000.000 đồng là tài sản chung khi chị và anh T sống chung và từ đó thay đổi yêu cầu kháng cáo, tuy nhiên các yêu cầu này không nằm trong phạm vi khởi kiện cũng như kháng cáo ban đầu, nên yêu cầu kháng cáo không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và xem xét lại phần án phí sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, lời trình bày của đương sự, Luật sư và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lưu Thị R khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn T trả lại số tiền 61.000.000 đồng mà chị cho rằng đã xuất ra đưa cho anh T trong 02 lần chuộc xe, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp " *Đòi lại tài sản*", và thụ lý giải quyết là đúng với quy định với điều 26 và điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 24 tháng 5 năm 2024, cùng ngày 24/5/2024 nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm là trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Chị R cho rằng trong thời gian chị và anh T sống chung, chị đã đưa cho anh T 02 lần, tổng cộng 61.000.000 đồng để anh T chuộc lại xe đã cầm cố, nhưng chị R không có chứng cứ chứng minh, anh T không thừa nhận, trong thời gian giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, hai bên thỏa thuận anh T đưa chị R 15.000.000 đồng và chị R giao xe, giấy tờ lại cho anh T, việc thỏa thuận giao trả tiền cũng không ghi nhận nội dung nào liên quan đến số tiền mà 02 bên tranh chấp, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị R là có cơ sở.

Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện và kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, chị R yêu cầu anh T trả lại tài sản, trong đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và kháng cáo ngày 14/8/2024 lại cho rằng số tiền 41.000.000 đồng là tài sản khi chị và anh T sống chung, xét thấy yêu cầu này thuộc quan hệ pháp luật khác, cũng chưa được thông báo đến phía bị đơn, không nằm trong phạm vi khởi kiện và kháng cáo ban đầu nên yêu cầu kháng cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như đã phân tích trên, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để xem xét.

Cấp sơ thẩm giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, nên ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn đề nghị hủy án sơ thẩm là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lưu Thị R.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DSST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 105, Điều 166 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị R về việc đòi anh Trần Văn T trả lại số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng).

2. Về án phí:

Chị R phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 2.300.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự sơ thẩm, đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001714 ngày 24/5/2024 và 1.525.000 đồng theo biên lai số 0008709 ngày 19/10/2023 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Như vậy, chị R còn phải nộp tiếp số tiền 775.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thái Dũng